TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bông Hường

Ông Võ Ngọc Đúng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính TNHH MTV N; địa chỉ: Số M đường N, Phường O, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền số 611//UQTA-VH.19 ngày 17/6/2019)

- *Bị đơn:* Ông Mạc H B, sinh năm 1990; địa chỉ: Số Q đường R, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Ngày 02/12/2015, ông Mạc H B ký Đơn đề vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy đăng ký, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, số hiệu hồ sơ 0414082 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20151202-100185-0012) với Công ty Tài chính TNHH MTV N (gọi tắt là Công ty) vay số tiền là 13.609.500 đồng, lãi suất thỏa thuận là 55%/năm, tương đương 4,58%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông B có trách nhiệm thanh toán số tiền 22.716.000 đồng (gồm gốc và lãi),

chậm trả trong 24 tháng, 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 947.000 đồng, tháng cuối trả 935.000 đồng; thanh toán vào ngày 04 thàng tháng, từ ngày 04/01/2016. Thực hiện hợp đồng, ông B đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và chỉ thanh toán cho Công ty với số tiền 1.902.000 đồng. Kể từ ngày 10/4/2016 đến nay, ông B không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông B thanh toán số tiền 20.814.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 12.948.223 đồng và nợ lãi là 7.865.777 đồng. Thanh toán một lần ngày khi bản án, quyết định có hiệu lực.

Bị đơn là ông Mạc H B không có lời khai, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và xét xử.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được vì nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được triệp tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 25/11/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc ông Mạc H B trả nợ gốc và lãi theo Đơn đề vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy đăng ký, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/12/2015. Theo xác minh ngày 04/9/2019 của Công an phường Tân Thành thì ông Mạc H B đang cư trú tại Số Q đường R, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp hợp đồng, cụ thể là hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện: Công ty tài chính TNHH MTV N yêu cầu bị đơn là ông B thanh toán số tiền 20.814.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 12.948.223 đồng và nợ lãi là 7.865.777 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Thanh toán một lần ngày khi bản án, quyết định có hiệu lực. Ông B không có lời khai tại Tòa án, không giao nộp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu

tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, lời khai, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Đơn đề vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy đăng ký, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, số hiệu hồ sơ No 0414082 do ông B ký ngày 02/12/2015, Bảng Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân; Bảng tính lãi, Bảng kê lịch sử thanh toán do nguyên đơn giao nộp thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng tín dụng ngày 02/12/2015, hai bên thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 13.609.500 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 55%/năm, tương đương 4.58%/tháng; bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 22.716.000 đồng, bao gồm 13.609.000 đồng nợ gốc và 9.106.500 đồng nợ lãi, thanh toán thành 24 kỳ từ ngày 04/01/2016 đến ngày 04/12/2017. Bị đơn đã nhận giải ngân số tiền 13.609.500 đồng nhưng không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận tại hợp đồng. Từ 04/2/2016 đến ngày 10/4/2016, bị đơn chỉ thanh toán 02 lần với số tiền 1.902.000 đồng, trong đó có 661.277 đồng nợ gốc và 1.240.723 đồng nợ lãi. Từ ngày 11/4/2016 đến nay, bị đơn không trả cho nguyên đơn thêm bất kỳ khoản tiền nào. Như vậy, căn cứ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn 20.814.000 đồng, bao gồm 12.948.223 đồng nợ gốc và 7.865.777 đồng nợ lãi. Từ những nhận vừa nêu, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông B phải trả nợ gốc và nợ lãi đến hạn thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện với số tiền 20.814.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.040.700 đồng.

[7] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 290, Điều 292, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV N.

Buộc ông Mạc H B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH MTV N số tiền 20.814.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng), bao gồm nợ gốc là 12.948.223 đồng (mười hai triệu chín trăn bốn mươi tám nghìn hai trăm hai mươi ba đồng) và nợ lãi là 7.865.777 đồng (bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 02/12/2015. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/11/2019, ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Ông B phải chịu 1.040.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH MTV N 520.350 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012370 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Công ty Tài chính TNHH MTV N, ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thế Đông